**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN 11, NĂM HỌC 2021-2022**

**( THAM KHẢO)**

1. **GIỚI HẠN KIẾN THỨC VÀ MỘT SỐ KĨ NĂNG**

**I/ Đọc - hiểu: ( 3,0 điểm )**

**1: Ngữ liệu phần đọc hiểu là Thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).**

**Nhận biết:**

- Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ.

- Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ

**Thông hiểu:**

- Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.

- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.

**Vận dụng:**

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.

- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

- Phân biệt thơ hiện đại và thơ trung đại.

**2: Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).**

**Nhận biết:**

- Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.

- Nhận diện được phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... trong văn bản/đoạn trích.

**Thông hiểu:**

- Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; nội dung của văn bản/đoạn trích.

- Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; các biện pháp tu từ, đặc trưng của phong cách ngôn ngữ... trong văn bản/đoạn trích.

- Hiểu được những đặc điểm cơ bản của nghị luận hiện đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

**Vận dụng:**

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.

- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

- Phân biệt được nghị luận hiện đại và nghị luận trung đại.

**II. LÀM VĂN**

**Câu 1: Nghị luận xã hội ( 2,0 điểm)**

A.Về hình thức: viết 1 đoạn văn nghị luận ( Khoảng 150 chữ)

B.Về dạng đề nghị luận xã hội : có 2 dạng

**1.Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.**

**Nhận biết**:

- Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.

- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

**Thông hiểu**:

- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí.

**Vận dụng**:

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí.

**Vận dụng cao**:

- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.

**Cách triển khai:**

- Giải thích từ ngữ, ý kiến ( nếu có)

- Bình luận, mở rộng vấn đề: nêu ý kiến cá nhân; phân tích, chứng minh bằng lí lẽ, dẫn chứng ( tiêu biểu, ngắn gọn, chính xác)

- Rút ra bài học cho bản thân

1. **Nghị luận về một hiện tượng xã hội**

**Nhận biết:**

- Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.

- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

**Thông hiểu:**

- Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.

**Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.

**Vận dụng cao:**

- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục

**Cách triển khai**

- Nêu hiện tượng / thực trạng / tình hình

- Nêu nguyên nhân : khách quan và chủ quan

- Nêu hậu quả

- Nêu giải pháp

- Liên hệ bản thân

**Câu 2: Nghị luận văn học : ( 5,0 điểm).** Học sinh cần nắm vững những nội dung của các tác phẩm sau:

**1.Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ:** Thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945

*- Vội vàng* (Xuân Diệu)

*- Tràng giang* ( Huy Cận)

*- Từ ấy* ( Tố Hữu)

- *Chiều tối* (Hồ Chí Minh)

**Nhận biết**

- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.

- Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.

- Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ.

**Thông hiểu**:

- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: tình cảm quê hương, tư tưởng yêu nước; tình yêu trong sáng cao thượng; quan niệm thẩm mĩ và nhân sinh mới mẻ…; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hóa thơ ca về ngôn ngữ, thể loại, hình ảnh,...

- Lí giải được một số đặc điểm của thơ hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.

**Vận dụng**:

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.

- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả.

**Vận dụng cao**:

- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.

**B. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA MỘT SỐ TÁC PHẨM**

**Bài 1. Vội vàng - Xuân Diệu.**

**a.Tác giả: Xuân Diệu ( 1916 – 1985 )**

-Xuân Diệu là một nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và sự nghiệp văn học phong phú.

-Tác phẩm Vội vàng: Xuất xứ: Rút từ tập *Thơ Thơ* ( 1938), là tập thơ đầu tay cũng là tập thơ khẳng định vị trí của XD – thi sĩ “ mới nhất trong các nhà thơ mới”.

**b. Nội dung*.***

- Phần một:

Niềm ngất ngây trước cảnh sắc trần gian và nêu những lí lẽ vì sao phải sống vội vàng. Xuất phát từ nhận thức và quan niệm về hạnh phúc trần gian, thời gian và tuổi trẻ, nhà thơ muốn bộc bạch với mọi người và cuộc đời.

+ Phát hiện và say sưa ca ngợi một thiên đường ngay trên mặt đất với bao nguồn hạnh phúc kì thú và qua đó thể hiện một quan niệm mới : trong thế giới này đẹp nhất, quyến rũ nhất là con người giữa tuổi trẻ và tình yêu.

+ Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi, mong manh của kiếp người trong sự trôi chảy nhanh chóng của thời gian.

- Quan niệm về thời gian tuyến tính, một đi không trở lại (so sánh với quan niệm về thời gian tuần hoàn của người xưa ).

- Cảm nhận đầy bi kịch về sự sống, mỗi khoảnh khắc trôi qua là một sự mất mát, phai tàn, phôi pha, mòn héo.

- Cuộc sống trần gian đẹp như một thiên đường ; trong khi đó, thời gian một đi không trở lại, đời người ngắn ngủi-nên chỉ có một cách phải sống vội.

- Phần hai:

+ Nêu cách “thực hành” : Vội vàng là chạy đua với thời gian, sống mạnh mẽ, đủ đầy với từng phút giây của sự sống – “*Sống toàn tâm, toàn trí, toàn hồn ; Sống toàn thân và thức nhọn giác quan”* và thể hiện sự mãnh liệt của *cái tôi* đầy ham muốn.

+ Nhận thức về bi kịch của sự sống đã dẫn đến một cách ứng xử rất tích cực trước cuộc đời. Đây cũng là lời đáp trọn vẹn cho câu hỏi : Vội vàng là gi ? Và đề xuất một lẽ sống mới mẻ, tích cực ; bộc lộ quan niệm nhân sinh mới chưa từng thấy trong thơ ca truyền thống.

**c. Nghệ thuật*.***

- Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch tâm lý.

- Cách nhìn, cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.

- Sử dụng ngôn từ ; nhịp điệu dồn đập, sôi nổi, hối hả, cuồng nhiệt.

**d. Ý nghĩa văn bản*.***

Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu - nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời.

**Bài 2. Tràng Giang – Huy Cận**

**a. Tác giả Huy Cận (1919 – 2005)**

+ Là nhà thơ lớn, môt trong những đại biểu xuất sắc của phong trào thơ Mới với hồn thơ *ảo não.*

+ Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí

- Tác phẩm Tràng Giang

+ Xuất xứ: rút từ tập *Lửa thiêng (1939)*

+ Nhan đề: so sánh tên gọi *Tràng giang* và *Trường giang*

+ Lời đề từ: cảm xúc bâng khuâng trước cảnh sông nước mênh mông và nỗi buồn trước cách chia ly giữa trời và sông, sự rời rạc của khung cảnh thiên nhiên

**b. Nội dung:**

- Khổ một :

+ Ba câu đầu mang đậm màu sắc cổ điển, vẽ lên hình ảnh con thuyền nhỏ nhoi, trôi dạt trên dòng sông lớn mênh mông, gợi cảm giác buồn, cô đơn, xa vắng, chia lìa.

+ Câu thứ tư mang nét hiện đại với hình ảnh rất đời thường: cảnh củi khô trôi nổi gợi lên cảm nhận về thân phận những kiếp người nhỏ bé, bơ vơ giữa dòng đời.

- Khổ hai :

+ Bức tranh tràng giang được hoàn chỉnh thêm nhiều chi tiết mới: cồn nhỏ, gió đìu hiu, cây cối lơ thơ, chợ chiều đã vãn, làng xa, bến cô liêu… nhưng không làm cho cảnh vật có thêm sức sống mà càng chìm vào tĩnh lặng, cô đơn, hiu quạnh.

- Khổ ba :

+ Tiếp tục hoàn thiện bức tranh tràng giang với hình ảnh những lớp bèo nối nhau trôi dạt trên sông và những bờ xanh tiếp bãi vàng lặng lẽ

+ Sự đối lập giữa cái không và cái có: không cầu, không chuyến đò ngang chỉ có thiên nhiên 🡺 khung cảnh không có sự sống mà chỉ toàn là cảnh vật bao la, trơ trọi

- Khổ bốn:

+ Hai câu thơ đầu là bức tranh phong cảnh kì vĩ, nên thơ. Cảnh được gợi lên bởi bút pháp nghệ thuật cổ điển với hình ảnh mây trắng, cánh chim chiều, đồng thời mang dấu ấn tâm trạng của tác giả

+ Hai câu sau: bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của Huy Cận – người đại diện cho thế hệ thanh niên lúc bấy giờ (so sánh với hai câu thơ của Thôi Hiệu trong Hoàng Hạc lâu)

**c. Nghệ thuật:**

- Sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc cổ hiển và hiện đại (hiện đại là sự xuất hiện của những cái thường, nhỏ bé, vô nghĩa và cảm xúc buồn mang dấu ấn cái tôi cá nhân)

- Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm….

**d. Ý nghĩa văn bản**

Qua bài thơ mới mang vẻ đẹp cổ điển, Huy Cận đã bộc lộ nỗi sầu của một cái tôi cô đơn trước thiên nhiên rộng lớn, trong đó thấm đượm tình người, tình đời, lòng yêu nước thầm kín mà thiết tha.

**Bài 3. Từ ấy – Tố Hữu:**

**a. Tác giả: Tố Hữu (1920 – 2002)**

+ Được đánh giá là “lá cờ đầu của thơ ca CM” Việt Nam hiện đại

+ Đặc điểm phong cách: thơ trữ tình – chính trị: thể hiện lẽ sống, lí tưởng, tình cảm cách mạng của con người VN nhưng mang đậm chất dân tộc, truyền thống.

- Tác phẩm Từ ấy: xuất xứ thuộc phần *Máu lửa* của tập *Từ ấy.* sáng tác tháng 7/1938 Tố Hữu được kết nạp vào Đảng cộng sản là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời Tố Hữu.

**b. Nội dung:**

- Khổ một: niềm vui lớn

+ Hai câu đầu: là mốc thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi nhà thơ giác ngộ lí tưởng cách mạng

+ Chú ý cụm từ *Từ ấy –* giải thích mốc thời điểm thực tế

+ Biện pháp ẩn dụ: *nắng hạ, mặt trời chân lí* – là ánh sáng lí tưởng mở ra trong tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức, tư tưởng, tình cảm

+ Động từ mạnh: *bừng, chói –* thể hiện sự tác động mạnh mẽ của ánh sáng lí tưởng đến Tố Hữu

+ Hai câu cuối: cụ thể hóa ý nghĩa, tác động của ánh sáng lí tưởng. Sử dụng thủ pháp liên tưởng, so sánh *Hồn tôi là một vườn hoa lá – Rất đậm hương và rộn tiếng chim* → thể hiện vẻ đẹp và sức sống mới của tâm hồn cũng là của hồn thơ Tố Hữu.

- Khổ hai: lẽ sống lớn

+ Động từ *buộc;* biện pháp hoán dụ *trăm nơi,* từ ngữ *trang trải:* ý thức tự nguyện và quyết tâm vượt qua giới hạn của cái *tôi* cá nhân để sống chan hòa với mọi người, với cái *ta* chung để thực hiện lí tưởng giải phóng giai cấp, dân tộc.

+ Chú ý các từ: *khối đời, hồn khổ*: khẳng định mối liên hệ sâu sắc của người chiến sĩ cách mạng với quần chúng nhân dân

- Khổ ba: tình cảm lớn

+ Điệp từ *là* + số từ ước lệ *vạn* + danh từ: *con, anh, em* → Từ nhận thức sâu sắc về lẽ sống mới, tự xác định mình là thành viên của đại gia đình quần chúng lao khổ, gắn bó thân thiết với nhân dân như người một nhà.

**c. Nghệ thuật:**

+ Hình ảnh tươi sáng, giàu ý nghĩa tượng trưng

+ Ngôn ngữ gợi cảm, giàu nhạc điệu; giọng thơ sảng khoái, nhịp điệu thơ hăm hở…

**d. Ý nghĩa văn bản**

Từ ấy là lời tâm nguyện của thanh niên yêu nước giác ngộ lí tưởng cách mạng.

**Bài 4. Chiều tối – Hồ Chí Minh**

**a. Nhật kí trong tù**

- Nhật kí trong tù**:** hoàn cảnh ra đời (sgk)

- Chiều tối:

+ Vị trí: bài thứ 32 trong Nhật kí trong tù

+ Hoàn cảnh: sáng tác vào cuối mùa thu 1942, trên đường đi đày từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo

**b. Nội dung**

**\* Hai câu đầu: Bức tranh thiên nhiên**

- *Cánh chim* *mỏi về rừng*

+ Dấu hiệu t/gian: chiều muộn.

+ Gợi cảm giác về 1 chốn nghỉ ngơi, đoàn tụ, ấm cúng. → Cảm giác cô đơn, nhớ quê.

+ Chim mỏi = tâm trạng người tù: mỏi mệt

- *Chòm mây cô đơn*

→ Mang tâm trạng lẻ loi, đơn độc và cái băn khoăn chưa biết tương lai phí trước của người tù nơi đất khách. Bức tranh thiên nhiên mang phong vị cổ điển. Bút pháp chấm phá như ghi lấy linh hồn tạo vật; có sự hòa hợp giữa cảnh và người

🞼 **Vẻ đẹp tâm hồn:**

- Vẫn luôn hướng về thiên nhiên, thể hiện tình yêu thiên nhiên và ước muốn được sum vầy, tự do. Phong thái ung dung, tự tại, bản lĩnh chiến sĩ, tinh thần thép

**\* Hai câu cuối: Bức tranh đời sống con người**

- Câu 3:

+ Vẻ đẹp khỏe khoắn, đầy sức sống của người con gái xóm núi đang xay ngô bên lò than

+ Cuộc sống đời thường đem lại cho người tù hơi ấm, niềm vui.

- Câu 4:

+ Điệp liên hoàn: *ma bao túc – bao túc ma→* gợi sự lưu chuyển của thời gian từ chiều sang tối

+ *Hồng:* nhãn tự của bài thơ: trở thành tụ điểm lung linh của bài, có sức nặng tỏa sáng cả 27 chữ còn lại.

→ Cùng với sự vận động của thời gian là sự vận động của mạch thơ, tư tưởng người làm thơ: từ tối → sáng; từ tàn lui → sinh sôi; từ lạnh lẽo cô đơn → ấm áp tình người

**c/ Nghệ thuật**

- Sự kết hợp hài hòa màu sắc cổ điển và hiện đại

- Từ ngữ cô đọng, hàm súc

- Thủ pháp đối lập, điệp liên hoàn

**d/ Ý nghĩa văn bản:**

Bài thơ thể hiện vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ – chiến sĩ của HCM: yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống; kiên cường vượt lên hoàn cảnh luôn ung dung tự tại và lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống

**C. ĐỀ MINH HỌA** ( Tham khảo)

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  ĐỀ MINH HỌA | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2021 - 2022**  **Môn: Ngữ văn, lớp 11**  *Thời gian làm bài*: *90 phút, không tính thời gian phát đề.* |

*Họ và tên học sinh:…………………………………... Mã số học sinh:……………………*

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

*Tôi không so sánh các nhà thơ mới với Nguyễn Du để xem ai hơn, ai kém. Đời xưa có thể có những bậc kì tài đời nay không sánh kịp. Đừng lấy một người sánh với một người. Hãy sánh thời đại cùng thời đại. Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên ... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu.*

(Trích *Một thời đại trong thi ca* - *Thi nhân Việt Nam*,

Hoài Thanh, NXB Văn học, 2000, tr.29)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Chỉ ra thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Trong đoạn trích, tác giả đề xuất tiêu chí nào để so sánh thơ mới với thơ cũ?

**Câu 3.** Xác định nghĩa sự việc và nghĩa tình thái của câu văn: *Tôi quyết rằng trong lịch sử thơ ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này.*

**Câu 4.** Nhận xét về ngôn ngữ biểu đạt của tác giả trong đoạn trích.

**II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (*2,0 điểm*)**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày thái độ ứng xử của anh/chị đối với cái mới trong cuộc sống.

**Câu 2 (*5,0 điểm*)**

**Chiều tối**

(*Mộ* - Hồ Chí Minh)

Phiên âm

*Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,*

*Cô vân mạn mạn độ thiên không;*

*Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,*

*Bao túc ma hoàn lo dĩ hồng.*

Dịch thơ

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,*

*Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;*

*Cô em xóm núi xay ngô tối,*

*Xay hết, lò than đã rực hồng.*

(*Ngữ văn 11*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 41)

Phân tích sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

**-------------HẾT ----------**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  ĐỀ MINH HỌA | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021**  **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **Môn: Ngữ văn, Lớp: 11**  *(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm …. trang)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **3,0** |
|  | **1** | Thao tác lập luận chính: bình luận  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời không đúng thao tác lập luận chính không cho điểm.* | 0,75 |
| **2** | Tiêu chí so sánh thơ mới với thơ cũ:  - Đừng lấy một người sánh với một người.  - Hãy sánh thời đại cùng thời đại.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời được 2 ý: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.* | 0,75 |
| **3** | - Nghĩa sự việc: trong lịch sử thơ ca Việt Nam, chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại thơ mới.  - Nghĩa tình thái: khẳng định, quả quyết (tôi quyết rằng)  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời nghĩa sự việc và nghĩa tình thái của câu văn như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời được nghĩa sự việc và một phần nghĩa tình thái của câu hoặc nghĩa tình thái và một phần nghĩa sự việc của câu: 0,75 điểm*  *- Học sinh trả lời được nghĩa sự việc hoặc nghĩa tình thái của câu: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời được một phần nghĩa sự việc hoặc nghĩa tình thái của câu: 0,25 điểm.* | 1,0 |
| **4** | Từ ngữ phong phú, chính xác; vừa thể hiện được sự sắc sảo trong tư duy khoa học vừa thể hiện được sự tinh tế trong cảm thụ văn học.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh nhận xét đúng các đặc điểm (phong phú, chính xác, sắc sảo, tinh tế) hoặc đúng từ 2 đặc điểm trở lên: 0,5 điểm.*  *- Học sinh nhận xét đúng 1 đặc điểm: 0,25 điểm.*  ***Lưu ý:*** *Học sinh nhận xét các đặc điểm của ngôn ngữ biểu đạt trong đoạn trích bằng các từ ngữ/các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.* | 0,5 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **7,0** |
|  | **1** | Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày thái độ ứng xử của anh/chị đối với cái mới trong cuộc sống. | ***2,0*** |
| *a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn*  Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Thái độ ứng xử của bản thân đối với cái mới trong đời sống | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận*  Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ *thái độ ứng xử của bản thân đối với cái mới trong đời sống*. Có thể theo hướng sau:  Bình tĩnh, khách quan khi tìm hiểu để nhận ra bản chất, giá trị của cái mới; lựa chọn thái độ ứng xử phù hợp: ủng hộ, tiếp nhận hoặc phản đối, phủ định; tránh vội vàng, phiến diện, cực đoan.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).*  *- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).*  *- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).*  ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* | 0,75 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt  ***Hướng dẫn chấm****: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm:*** *huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng dược 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **2** | **Phân tích sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ *Chiều tối*.** | ***5,0*** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Chiều tối”.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| *\* Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm (0,25 điểm)* | 0,5  2,5 |
| *\* Phân tích sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ*  - Tâm trạng của nhân vật trữ tình vận động từ cảm giác mỏi mệt, buồn và cô đơn ở hai câu đầu (*cánh chim mỏi, chòm mây lẻ loi trôi lững lờ*) đến niềm vui, niềm tin yêu hướng về sự sống và ánh sáng ở hai câu sau (*thiếu nữ xóm núi xay ngô, lò than rực hồng*); tâm trạng vận động theo hướng tích cực: từ bóng tối đến ánh sáng, từ tàn lụi đến sự sống, từ buồn đến vui, từ cô đơn đến ấm áp tình người.  - Sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện bằng ngôn ngữ hàm súc, bút pháp tả cảnh ngụ tình vừa cổ điển vừa hiện đại.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Phân tích chi tiết, làm rõ sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình: 2,0 điểm - 2,5 điểm*  *- Phân tích được sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình nhưng chưa thật chi tiết hoặc phân tích được biểu hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình nhưng chưa làm rõ sự vận động tâm trạng: 1,0 điểm - 1,75 điểm.*  *- Phân tích chung chung, chưa làm rõ các biểu hiện tâm trạng, chưa chỉ ra sự vận động tâm trạng: 0,25 điểm - 0,75 điểm.* |
| *\* Đánh giá:*  - Sự vận động tâm trạng cho thấy sự lạc quan, tin tưởng của nhà thơ vào sự sống, tương lai; chất chiến sĩ của cái tôi trữ tình Hồ Chí Minh; góp phần làm nên vẻ đẹp hiện đại của tác phẩm.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày được 2 ý trở lên: 0,5 điểm.*  *-Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |